TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2020
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2020, Thông báo thay đổi ngày xét xử số 108/2020/TB-TA ngày 30/3/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm A – sinh năm 1989
Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D – sinh năm 1987
Trú tại: khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT.

Tại phiên tòa có mặt bà A và ông D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông D tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện F, tỉnh G vào năm 2014. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc cho nhau nên hai người đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, mạnh ai nấy sống. Ông bà đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà xét thấy không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Ông bà có một con tên Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày 22/02/2017. Hiện nay bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông D phải cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung của bà và ông D gồm có: một miếng đất ở thôn I, xã J, huyện K (có sổ đỏ đứng tên bà); 01 xe máy hiệu Ablack (đứng tên bà); không có số tiền 130.000.000 đồng như ông D trình bày. Bà và ông D sẽ tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu và đăng ký kết hôn như bà A trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống ở nhà mẹ vợ thì ông mâu thuẫn với mẹ vợ, nên ông bà ra ở riêng từ tháng 9 năm 2015, đến đầu năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà A nghi ngờ lòng chung thủy của ông, bà A sống ích kỷ, hai người không đồng quan điểm, bà A nghe lời mẹ nhiều quá…nên hai người đã không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nay ông xác định còn thương vợ, con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông bà có một con như bà A trình bày là đúng, từ khi ly thân bà A là người trực tiếp nuôi con. Nếu giả sử ly hôn ông yêu cầu nuôi con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng cho con. Nếu bà A được quyền nuôi con thì ông đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà A 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng gồm có: Một miếng đất ở thôn I, xã J, huyện K (có sổ đỏ đứng tên bà A); 01 xe máy hiệu Ablack (đứng tên bà A) và số tiền 130.000.000 đồng (bà A đang giữ). Nguồn gốc tạo ra các tài sản này là do ông tạo ra trước hôn nhân nhưng các tài sản này ông mua trong thời kỳ hôn nhân. Ông và bà A sẽ tự thỏa thuận về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Văn D cư trú tại khu phố B, phường C, thành phố PT, tỉnh BT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PT.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông D là hợp pháp, ông bà đã được Uỷ ban nhân dân xã E, huyện F, tỉnh G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01, ngày 15/9/2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả bà A và ông D đều thừa nhận trong quá trình chung sống ông bà thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà A và ông D là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà A và ông D có con là Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày 22/02/2017, cả bà A và ông D đều yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà A và ông D đều có quyền, nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, hơn nữa cháu mới hơn 03 tuổi, là con gái nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H cần tiếp tục giao cho bà A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định " *cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", ông D không trực tiếp nuôi dưỡng cháu H nên buộc ông phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho bà A.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Bà A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Điều 51, Điều 54, Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 2, 3 Điều 82, Điều 107, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử**:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm A, bà A được ly hôn ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Ngọc Minh H, sinh ngày 22/02/2017. Buộc ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà A, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, bà A và ông D vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác

định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0005398 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PT. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Án xử công khai có mặt bà A và ông D. Quyền kháng cáo của bà A và ông D là 15 ngày kể từ ngày tuyên án(28/4/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thôi **Lê Thị Kiều Thu** **Phạm Phong Lan**